

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM NGHĨA SỚ CHÚ

QUYỂN 4

(Phần 2)

Giải thích duyên khởi Ngài A-nan mắc nạn, có hai ý:

I. Trình bày điều nghi, có bốn ý:

1. Thuật lại điều đã nghe:

Bấy giờ, A-nan ở trong chúng đánh lễ dưới chân Phật, đứng dậy Bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Nay Đức Thế tôn nói vì ba duyên của nghiệp sát, đạo, dâm bị cắt đứt cho đến ba nhân chẳng sinh, tánh điên của Diễn-Nhã-Đạt-Đa trong tâm con tự đứt, đứt tức là Bồ-đề, không từ người mà được, như văn kinh nói.

2. Sinh ra thưa hỏi:

Thế thì nhân duyên này rõ ràng như thế, vì sao Đức Như-lai lại bác bỏ nhân duyên? Con từ nhân duyên mà tâm được khai ngộ, do không có ba duyên mới đứt ba nhân, Nhân duyên đều diệt, Bồ-đề mới hiện, nên nói là rõ ràng sáng suốt. Người Tiểu Thừa khai ngộ đều do nhân duyên, nên dẫn dụ cái khai ngộ xưa kia để thành lời gạn hỏi này.

3. Dẫn để so sánh với người khác:

Bạch Đức Thế tôn! Nghĩa này đâu chỉ các Thanh Văn Hữu học tuổi trẻ như chúng con. Nay cả Đại-Mục-kiền-liên và Xá-lợi-phất, Tu-Bồ-đề ở trong hội này, đều từ một lão Phạm Chí nghe nói nhân duyên của Phật, mà tâm được khai ngộ, đắc quả vô lậu.

Lão Phạm Chí: Là người lớn tuổi, từ ngoại đạo đến, nghe nhân duyên của Phật, bỏ tà về chánh, thành quả vị Vô học.

4. Trối buộc đều là tà:

Nay Phật nói Bồ-đề không do nhân duyên, vậy thì thuyết về thành Vương Xá, Câu-Xá-lợi tự nhiên thành đệ nhất nghĩa.

Cúi mong Phật rũ lòng thương xót, chỉ dạy sự mê muội cho chúng con: Nhân duyên tự nhiên nương vào giả để kiến lập, các tướng Bồ-đề chân tánh đều mất, sợ lạm dụng lẫn nhau, cho nên ở đây lại nghi ngờ, trước để gọi rửa tình chấp của chúng sinh.

II. Đáp giải thích, có hai:**1. Chánh phá nghi tình, có hai:****a. Bác bỏ, có ba:**

Nêu tính chất nghi ngờ.

Phật bảo A-nan: Như chàng Diễn-nhã-đạt-đa ở trong thành nếu dứt trừ được nhân duyên tánh điên thì không có tánh điên tự nhiên hiện ra, lý cùng tốt của nhân duyên và tự nhiên là như vậy. Nếu nhân duyên tánh điên cuồng được dứt, thì tự nhiên không điên cuồng sẽ hiện, sở chấp không nêu ra ý này, cho nên lý cùng tốt là như vậy.

Bác bỏ năm sự nghi ngờ, có hai.

Phá cả hai nhân duyên và tự nhiên, có hai.

- Dùng nhân duyên phá tự nhiên:

Này A-nan! Nếu đầu của Diễn-Nhã-Đạt-Đa vốn là tự nhiên, vốn là tự nhiên, không nên chẳng phải tự vì sao lại sợ đầu rời chạy? Hai câu đầu là nhắc lại, hai câu vốn tự v.v... trở xuống là định, tự là vốn, nhiên là vậy, đều vốn như thế, không có đầu như thế thì không phải là nguồn gốc, cho nên nói: Không có nhiên thì chẳng có tự, câu vì sao v.v... trở xuống là bác bỏ, rất dễ hiểu.

- Dùng tự nhiên phá nhân duyên.

Nếu do nhân duyên mà đầu tự nhiên phát cuồng, tại sao không tự nhiên do nhân duyên mà mất? Gốc vốn không mất, vì cuồng sợ mà vọng sinh ra, không hề thay đổi, thì đâu nhờ nhân duyên?

Hai câu đầu là nhắc lại, hai câu sau là bác bỏ. Nếu đầu tự nhiên do nhân duyên thành mà bỏ chạy, thì lẽ ra tự nhiên không mất, do nhân duyên mà đầu mình mất.

Bốn câu vốn đầu v.v... trở xuống là kết thúc. Nay đầu không mất mà cuồng tự vọng sinh. Điên và đầu hoàn toàn không xúc chạm nhau, không hề thay đổi mà nhờ nhân duyên.

Chỉ bác bỏ chuyển chấp tự nhiên:

Vốn cuồng tự nhiên là vốn có cuồng sợ, vậy khi chưa điên sợ cái điên ẩn núp ở đâu? Nếu tánh không điên là tự nhiên thì đầu vốn không vọng, sao lại cuồng chạy?

Nếu ông chấp rằng: Đã chẳng phải nhân duyên, thì thuộc về tự nhiên, cuồng cũng tự nhiên không cuồng.

Cũng tự nhiên: Là trước bác bỏ cái cuồng tự nhiên, một câu đầu là nhắc lại, câu kế là định. Hai câu chưa cuồng v.v... trở xuống là bác bỏ, như văn kinh chép, không cuồng v.v... trở xuống là bác bỏ không cuồng tự nhiên, câu đầu là nhắc lại. Đầu vốn v.v... trở xuống là bác bỏ. Ở đây

là nói thể của nhất chân vẫn không có chân vọng nhau khác đâu lập ra nhân duyên, tự nhiên. Đây cũng là nói lên vọng vô nhân.

Kết quy về yếu chỉ ngộ:

Nếu ngộ được cái đầu biết điên bỏ chạy, nhân duyên tự nhiên đều là nói lời vô nghĩa. Cho nên ta nói: Vì ba duyên dứt tức là tâm Bồ-đề, bốn chân bất động, vọng tự sinh ra, nói ai là nhân duyên và tánh tự nhiên. Nếu biết nhân duyên tự nhiên đều là nói lời vô nghĩa thì phân biệt tự mất, chân giác tự bày, ở đây chính là ta nói ba duyên dứt tức là Bồ-đề.

Kết thúc chỉ bày, có ba ý:

Sinh diệt đều hết, nói lên không có công dụng.

Nếu tâm Bồ-đề sinh, tâm sinh diệt dứt. Đây chỉ là sinh diệt, sinh diệt đều sạch thì là đạo vô công dụng. Nếu có người chấp rằng chân tâm có thể phân biệt, có thể mất, thì đây là tâm Bồ-đề sinh, tâm sinh diệt diệt, chỉ là sinh diệt, không có Bồ-đề sinh, vô sinh diệt dứt, mới gọi là vô công dụng.

Như kinh Viên Giác nói: Có chiếu có giác đều gọi là chướng ngại, cho nên Bồ-đề thường giác không trụ, chiếu và người chiếu vắng lặng cùng một lúc.

Ở đây là nói tu chứng địa thượng, lý Vô sinh được vô công dụng.

Dẫu lập tự nhiên nhờ hiển bày sinh diệt, có hai:

Dẫu lập chánh hiển:

Nếu có tự nhiên như thế thì rõ ràng tâm tự nhiên sinh, tâm sinh diệt dứt. Đây cũng là sinh diệt, cái vô sinh diệt gọi là Tự nhiên. Nếu như giáo pháp của ta có tự nhiên, thì cũng đâu có sinh diệt gọi là Tự nhiên.

Nay ông đã rõ được tâm tự nhiên sinh, tâm sinh diệt dứt, đây cũng là sinh diệt, sao gọi là Tự nhiên?

Hễ tự nhiên thì chắc chắn không có sinh diệt, cho nên nói không sinh diệt gọi là Tự nhiên.

So sánh làm sáng tỏ lại.

Như các tướng thế gian lẫn lộn thành một thể, gọi là tánh hòa hợp, cái không hòa hợp gọi là tánh bốn nhiên. Đây là nêu cạm so sánh với sâu.

Người thế gian nói sinh diệt hoà hợp gọi là tánh hòa hợp, không hòa hợp thì không có sinh diệt mới gọi là Tự nhiên.

Người xưa đối với việc này không nói dù lập, chấp nhận chân tự nhiên. Như thế, không chỉ tăng thêm tâm nói lời vô nghĩa, ngược lại làm cho văn đầy đủ thành giáo lý của ngoại đạo, làm sao dám nghe theo.

Cả hai chẳng lìa hai chính là nói lên vọng tình.

Bổn nhiên chẳng phải nhiên, hòa hợp chẳng phải hợp, hợp nhiên đều lìa, lìa hợp đều không. Câu này mới được gọi là pháp không nói lời vô nghĩa.

Bổn nhiên là tự nhiên. Hòa hợp là nhân duyên, cả hai đều không lập, cho nên nói đều lìa, lìa này cũng lìa (883), nên nói đều phi.

Vấn này lược nói: Phải nói đầy đủ là lìa hợp với lìa, nhiên và lìa cũng đều không, thuốc bệnh đều mất, không bệnh cũng không.

Kinh Viên Giác cũng nói: Xa lìa là huyễn, cũng lại xa lìa, lìa xa lìa huyễn, cũng lại xa lìa.

Đây là nói đường nói năng dứt, chỗ tâm hành bật, mới không nói lời vô nghĩa.

b) Bác bỏ rộng về kiến chấp: có năm.

b.1) Bác bỏ thành nói lời vô nghĩa:

A-nan! Ông đối với Bồ-đề, Niết-bàn của Phật vẫn còn cách xa lắm, nếu ông chẳng trải qua nhiều kiếp chịu cực nhọc tu hành thì đâu cho có nhớ giữ nghĩa lý nhiệm mầu thanh tịnh trong mười hai bộ kinh của các Đức Phật mười phương như số cát sông Hằng, chỉ giúp thêm cho việc nói suông mà thôi. Nếu chấp nhân duyên, tự nhiên, chấp lấy quả Phật thì đâu ông trải qua nhiều kiếp siêng năng khổ công tu tập, rồi cuộc chẳng giúp gì cho ông. Cho nên nói vẫn còn cách xa lắm. Nhớ giữ là lý mầu, phân biệt không mất, buộc niệm nối nhau, chỉ thêm sinh tử, không thể vô tâm quên chiếu, trở lại tánh tự nghe, không hiểu rõ không phân biệt được chân thật, cho nên kinh Viên Giác nói: Muôn thứ lấy bỏ đều là luân hồi, chưa ra khỏi luân hồi mà nói về Viên Giác thì tánh Viên Giác kia liền đồng với trôi lăn, nếu thoát khỏi luân hồi thì không có việc đó. Cho nên nói chỉ làm lợi ích cho việc nói suông.

Dẫn việc để nghiệm biết:

Đầu ông nói lý nhân duyên tự nhiên, chắc chắn người đời khen ông là học rộng bậc nhất, với cái huân tập học rộng nhiều kiếp này, vẫn không thể tránh khỏi nạn Ma-đăng-già, cần gì phải nhờ đến thần chú Phật đánh của ta, khiến Ma-đăng-già kia lửa dâm bị dập tắt, chứng quả A-na-hàm, ở trong pháp của ta tinh tấn tu hành, sông ái khô cạn giúp cho giải thoát, chứng quả Bồ-đề của Phật. Nếu dùng nhân duyên tự nhiên mà được chứng, ông đối với nghĩa này được thấu suốt thì làm sao không thoát khỏi nạn mà chứng đắc một cách nhanh chóng, lại phải nhờ thần chú của ta mới giải thoát được?

Nên biết lý quán cộng thêm tu định tuệ thì thực hành cả hai, đâu

chỉ bàn luận nghĩa nói về văn mà thôi.

Hỏi: A-nan vẫn còn ở Sơ quả, Ma-đăng-già nhờ đâu mà chứng được quả thứ ba?

Đáp: Y theo quyền thật.

A-nan thị hiện ứng tích, nói lên học rộng không có lợi ích gì. Cho nên ở Sơ quả.

Ma-Đăng-già là người thật, hiển bày công năng của thần chú rất lớn, nên mau chóng chứng được Tam thiên.

Dựa vào căn hạnh,

A-nan căn cơ viên đốn phát sinh, văn trước nói ngộ giải, hoặc nhập vào Tín trụ, Ma-đăng-già căn cơ yếu kém, đâu được quả Tam thiên nhưng khác xa như trời và vực với Tín trụ của Viên giáo.

Kết luận khuyến khích tu hành chân chính.

Cho nên A-nan, ông đâu nhiều kiếp ghi nhớ, những lời bí mật nhiệm mầu của Như-lai, chỉ bằng một ngày tu tập nghiệp vô lậu, xa lìa hai khổ yêu, ghét của thế gian, học rộng mà vô dụng, đâu bằng năng lực của định.

Thủ-lăng-nghiêm Vương gọi là nghiệp vô lậu, người được định này thì biết rõ tất cả các pháp đều như huyễn hóa, đâu thể sinh ra hai khổ thương và ghét?

Nêu người khác làm chứng.

Như Ma-đăng-già, xưa kia là dâm nữ, do năng lực thần chú nên tiêu diệt lòng ái dục. Nay trong pháp ta gọi là Tánh Tỳ-kheo-ni và Gia-thâu-Đà-la mẹ của La-hầu-la, cùng ngộ nhân xưa, biết được nguồn gốc nhiều kiếp đều do tham ái là gốc khổ, chỉ một niệm huân tu pháp hành vô lậu, mà được ra khỏi tình cảm ân ái trói buộc, được Phật thọ ký. Quá khứ là Bà-la-môn tên là Bản Tánh, nay theo người xưa mà lấy tên là Tánh Tỳ-kheo-ni.

Gia-thâu-đà-la, Hán dịch là Hoa Sắc, là Ma-đăng-già thoát khỏi ràng buộc, là Da-du được thọ ký.

Quở trách chạy theo trần cảnh.

Sao ông còn tự dối, dính mắc thấy nghe?

Người kia còn là người nữ, hề tu vô lậu liền được quả Thánh. Nay sao ông lại nhàm chán, xa lìa Tiểu Thừa, chí cầu đại đạo, mà dùng danh tướng nói suông tự nhiên, nhân duyên thế gian để tự ràng buộc, chạy theo căn trần bị cảnh làm chướng ngại, không thể vượt qua. Cho nên nói còn dính mắc thấy nghe, trên đây là phá chấp phá nghi, hiển bày Như-lai tạng. Y cứ vào sự tin hiển chân chánh làm gốc tu hành.

Đáp phương tiện đầu tiên xong, kế dưới là y theo giải tu hành thành tựu chỉ quán, làm phương tiện nhập lý, có khả năng tín hiểu thể của Như-lai tạng trùm khắp mười phương, bản tánh thanh tịnh bất danh lìa tướng. Tại sao chúng tôi tu các phương tiện tương ứng với ở đây? Cho nên nói phương tiện tu hành thứ hai này.

Văn có hai:

A-nan lãnh ngộ câu tu hành, có bốn ý:

* Khen ngợi lòng từ bi sâu xa của Phật, có hai:

- Nhà dịch kinh nêu chung.

A-nan và các đại chúng nghe lời Phật dạy, nghi ngờ dứt trừ, tâm ngộ tướng thật, tâm ý nhẹ nhàng được pháp chưa hề có, lại rơi lệ đảnh lễ dưới chân Phật, quỳ thẳng chấp tay: trước đã bác bỏ hết nhân duyên tự nhiên, nay lại bỏ đi sự nghi ngờ nhỏ nhặt không chướng ngại, cho nên nói nghi ngờ tiêu trừ. Tâm ngộ thật tướng: Thật tướng vô tướng xa lìa nói suông, nay lìa hý luận tức ngộ thật tướng.

Lại rơi lệ: Là vui ngộ tạng tâm, vì tiếc không thực hành pháp.

- A-nan khen ngợi riêng:

Mà bạch Phật rằng: Đấng Vô thượng Đại bi Thanh Tịnh Bảo Vương khéo khai ngộ tâm con, dùng các thứ nhân duyên và phương tiện như thế để đui dốt kẻ chìm đắm ra khỏi biển khổ, vượt qua tất cả pháp thế gian và xuất thế gian, nên nói là vô thượng. Các ông đức của Phật lấy đại bi làm đầu, cho nên riêng gọi, Ngọc Châu ma-ni vô cấu tùy ý sinh ra cung cấp cho đầy đủ, Đức Phật cũng thế, nên gọi là Bảo Vương, thí dụ ngôn từ y theo sự và lý. Cho nên nói các thứ phương tiện.

Trầm: Là chìm đắm trong sinh tử đã lâu. Minh là: mãi mãi bị vô minh che lấp, phương tiện có thể khai ngộ dẫn dắt ra khỏi đều gọi là dẫn dắt.

* Thuật lại cái được mất, có hai:

- Thuật đúng.

Bạch Đức Thế tôn! Nay Con dù được nghe pháp âm như thế, nhận biết diệu giác minh tâm của Như-lai tạng trùm khắp các thế giới mười phương, bao trùm các cõi nước thanh tịnh trang nghiêm, các cõi Phật Diệu giác ở khắp mười phương như thế. Như-lai lại trách học nhiều mà không tu chẳng bằng người lo tu tập. Tâm Như-lai tạng, trùm khắp mười phương, đức bao trùm tất cả. Tuy tin hiểu, mà không thực hành thì không có kết quả, cho nên nay nói lại điều này, để làm rõ được, mất.

- Dụ hiển bày.

Nay con như người nghèo cùng không nơi nương tựa, bỗng được

thiên vương ban cho ngôi nhà đẹp, dẫu được nhà lớn nhưng phải biết cửa vào. Thiên Vương là Phật, ban cho là chỉ bày, nhà đẹp là tạng thể, dẫu được là tín hiểu, cửa vào là tu hành. Hành có công năng thông với lý nên gọi là Môn.

* Chính là thỉnh Phật chỉ bày con đường tu tập.

Cúi mong Như-lai từ bi chỉ bày cho con và những kẻ mê muội ở trong hội, lia bỏ Tiểu thừa, đều được bước lên con đường đã phát tâm, thẳng đến Niết-bàn Vô dư của Như-lai, làm cho người Hữu học nhiếp phục được tâm phan duyên từ lâu đời, được Đà-la-ni, chứng nhập tri kiến Phật.

Quyên là bỏ, tất là đều, trừ tích là ngày xưa, vô dư là hết hẳn vô minh, hai tử đã mất, rốt ráo không còn. Vậy, xin Như-lai chỉ bày cho chúng con con đường phát tâm, để được vào Niết-bàn, tức là Tam-muội chân thật, cho nên nói: con đường phát tâm xưa kia, phan duyên là vọng tưởng vốn có từ vô thủy, nên nói từ xưa, làm sao nhiếp phục, khiến được trí tuệ Phật, cho nên nói nhập tri kiến Phật

Đợi nghe yếu chỉ.

Nói xong năm vóc gieo sát đất, cả chúng trong hội một lòng mong đợi lời nghe dạy của Phật, như văn kinh nói.

Như-lai trình bày rộng về tu chứng, có hai ý.

* Bảo chung giảng nói, có hai:

- Trình bày ý kinh.

Lúc bấy giờ, Đức Thế tôn thương xót các Thanh văn, Duyên giác trong hội chưa được tự tại đối với tâm Bồ-đề. Và các chúng sinh phát tâm Bồ-đề trong đời Mạt pháp mà chỉ bày cho con con đường thực hành thượng thừa mầu nhiệm. Tâm Bồ-đề đủ bi trí, trí nguyện cầu Phật đạo về việc tu chứng, nếu có người không rõ đối với tâm Bồ-đề thì gọi là chưa tự tại.

- Nêu nghĩa hứa giảng nói:

Phật bảo A-nan và đại chúng rằng: Các thầy quyết định phát tâm Bồ-đề, đối với pháp Tam-ma-đề nhiệm mầu của Chư Phật không sinh mệt mỏi, trước tiên nên biết hai nghĩa quyết định phát giác sơ tâm. Tam-ma-đề nhiệm mầu là định Thủ-lăng-nghiêm tức quán chân như, muốn tu pháp này thì trước phải dùng phương tiện, nếu phương tiện thành tựu thì tu hành chân thật sẽ được hy vọng, cho nên dùng hai môn chỉ và quán gọi là phát giác sơ tâm, tức phương tiện đầu tiên. Nhưng hai môn này, là các pháp Chư Phật ba đời tu hành cùng chung một con đường chứng đạo.

Kinh Hoa Nghiêm nói: Thí như vị vua có năng lực cả nước đều quý trọng, chỉ quán cũng như vậy. Tất cả dựa vào chỗ nương, nên hai môn này gọi là nghĩa quyết định sơ tâm.

1. Quán xét nhân địa và quả tâm, khởi hạnh thuận theo, là nương vào môn Chân như để tu chỉ, chân như là vô tướng, hướng về thì tâm dứt, cho nên Luận Khởi Tín nói: Nói Chỉ là dứt tất cả tướng cảnh giới, vì thuận theo nghĩa Quán (Xa-ma-tha).

2. Quán xét nguồn gốc kết giải phiền não, khởi lên đối trị, tức nương vào môn sinh diệt để tu quán. Pháp tướng, sinh diệt, nhiệm tịnh khác nhau, khởi lên trí phân biệt, đối trị làm cho cắt đứt.

Nên Luận Khởi Tín nói: Đã nói quán nghĩa là, phân biệt tướng sinh diệt về nhân duyên, vì nghĩa quán thuận theo Tỳ-Bát-Xa-Na, tu phương tiện trước vì chưa có khả năng, nên gọi là thuận theo, tu hành thành tựu, tức ngay nơi quán mà rõ chỉ, ngay nơi chỉ mà rõ quán, chỉ và quán không hai nên gọi là chánh tu, tức thành tựu Tam-muội. Nay vì mới tu nên gọi là phát giác.

2. Nói riêng hai nghĩa, có ba:

a) Nói về hai nghĩa, có hai:

Môn nhân quả đồng khác, có ba: a.1.1)

Nêu nghĩa khuyến chung:

Thế nào là hai nghĩa quyết định lúc mới phát tâm?

Này A-nan! Nghĩa thứ nhất, nếu các thầy muốn lìa bỏ Thanh Văn, tu thừa Bồ-tát, nhập tri kiến Phật. Nên xét kỹ nhân địa phát tâm và sự giác ngộ của quả địa, là đồng hay khác, đã tin hiểu biến quả vô niệm, bất danh lìa tướng vốn chẳng sinh diệt, sẽ khế hợp với tâm này, phải quên sinh diệt tương ưng với quên sinh diệt, cho nên văn trên nói: Vì ta bất sinh bất diệt, nên hợp với Như-lai tạng mà Như-lai tạng chỉ cho diệu giác viên minh chiếu khắp pháp giới. Nếu khác với đây thì tâm vừa khởi, trần lao đã khởi trước, hợp với trần trái với giác, đâu gọi là chánh tu.

Y theo nghĩa hiển rõ sai lầm.

Này A-nan, nếu ở nhân địa, dùng tâm sinh diệt làm gốc tu nhân mà cầu Phật thừa bất dinh bất diệt thì không có việc đó.

Kinh Duy-ma nói: Nếu không dùng tâm hạnh sinh diệt để nói pháp Thật tướng, vẫn không thể dùng sinh diệt để nói, huống chi dùng sinh diệt làm nhân mà cầu chứng đắc hay sao?

Phổ Hiền Quán nói: Nhân Đại thừa là tướng các pháp, quả Đại thừa là Thật tướng các pháp, nếu không dùng chỉ môn tương ưng thì

tâm sinh diệt này không bao giờ dứt.

Nếu lại dùng tâm này để tu hành thì nhân quả trái nhau, không bao giờ chứng được, như văn trên bác bỏ rộng.

Nói về nhân hạnh, có hai:

* Phân biệt nhân môn, có hai:

- Nêu ví dụ nói chung về sinh diệt.

Vì nghĩa này, ông nên xét kỹ các pháp về khí thể gian có thể tạo ra đều y theo đó mà biến diệt. A-nan, ông hãy xem các pháp được tạo ra trong thế gian đâu có pháp nào chẳng hoại? Nhưng không bao giờ nghe nói hư không, biến hoại, vì sao? Vì hư không chẳng phải cái do làm ra, cho nên trước sau không bị hoại diệt. Vọng tâm như khí giới, vì là tánh được làm ra, chân tâm như hư không, vì lý do vô vi, tánh thường vô thường đâu có thể biết.

- Y theo thân nói rộng về luống dối, có hai:

+ Nói chung, có hai:

• Chỉ bày nhân vẫn đục kia.

Cho nên, trong thân ông tánh cứng là đất, ẩm ướt là nước, hơi ấm là lửa, lay động là gió. Do bốn thứ trói buộc này mà chia ra tâm diệu giác minh tròn đầy của ông là thấy, là nghe, là hay, là biết từ đầu đến cuối năm lớp vẫn đục. Vắng lặng Vô sinh, vọng thành sở tướng, đã vọng lập sinh ra vọng năng, đối với sở minh chia thành bốn đại, đối với dòng năng giác chia thành sáu căn, sáu căn và bốn đại xen lẫn nhau. Từ nơi vắng lặng tròn sáng đi đến thành tướng vẫn đục, tức đồng với luận Khởi Tín nói bất sinh bất diệt và sinh diệt mà hòa hợp gọi là thức A-Lại-da. Từ thức tâm này biến khởi thế gian, tức là nghĩa vẫn đục.

• Dẫn dụ tướng vẫn đục kia.

Sao gọi là vẫn đục? Này A-nan, thí như nước trong, bản tánh trong suốt, là tánh giác ngộ vắng lặng.

Tức những thứ bản chất ngăn ngại như bụi, đất, tro, cát, v.v... là hai thứ thể và pháp của đất, nước, gió, lửa, tự nhiên như vậy.

Tánh không theo nhau, vâng là thuận theo, pháp như giống như tự nhiên, chân vọng nhiễm tịnh, bản tánh trái nhau, chẳng thể khiến cho như vậy, pháp như thế. Có Người thế gian, vô minh không rõ, chẳng phải trí xuất thế, bỏ đất bụi kia vào nước sạch, làm cho đất mất ngăn ngại, nước mất trong suốt, bất sinh bất diệt, hòa hợp với sinh diệt, chẳng phải một, chẳng phải khác.

Dung mạo lẫn lộn nên gọi là vẫn đục, năm lớp vẫn đục của ông cũng giống như vậy. dung mạo là tướng về sắc tâm, chữ mịch là rối

loạn.

b) Nói riêng, có năm ý.

b.1) Kiếp trước

Này A-nan! Ông thấy hư không trùm khắp các thế giới trong mười phương. Hư không và cái thấy chẳng phân, có không, vô thể, có thấy mà không có biết, đan dệt thành vọng, đây là lớp thứ nhất gọi là kiếp trước.

Kiếp trước, tiếng Phạm là Kiếp-ba, Hán dịch là Thời phần, luận Pháp Hoa chép: Ngày, tháng, năm đều gọi là Kiếp, cho đến thành, trụ, hoại, không chẳng lìa Thời phần. Nay trong kinh này nói nghĩa Kiếp trước, là mê chân khởi vọng, thế giới chưa hình thành, chỉ có hư không và vọng thấy.

Cái thấy và hư không là một thể trùm khắp pháp giới mê mờ chưa hình thành hai thứ khác nhau, nên gọi là chẳng phân.

Lại hư không chưa chia thành bốn đại, cái thấy chưa chia thành sáu căn, cũng gọi là Bất phân.

Cho nên kể là giải thích rằng: Hư không vô thể, có thấy mà không có giác.

Thể tức bốn đại thành chất, giác là sáu căn chấp, cảnh là không có cái khác này, đều thành ra đần độn, nên gọi là vẫn đục. Một niệm mới khởi là mở đầu cho vô minh, thời mới phân gọi là Kiếp, chẳng phải kiếp trước của kiếp cuối cùng.

Kiến trước:

Bản thân ông hiện lấy bốn đại làm thể, thấy, nghe, hiểu, biết, che lấp làm cho ngăn ngại, nước, lửa, gió, đất, xoay chuyển làm cho hay biết, đan dệt nhau mà vọng thành lớp thứ hai, gọi là Kiến trước.

Tính chất ngăn ngại của thân do thấy, nghe, hiểu biết, kết với nước, lửa, gió, chấp lấy làm tắc nghẽn không thông, liền hiện ra bốn thứ nhỏ nhiệm như hình tượng thể chất.

Sự hiểu biết của bản thân, do tánh nước, lửa đan dệt thành cái thấy vọng kia, xoay chuyển, dời đổi lại thay nhau chia thành sáu căn, thấy nghe hay biết, thấy như sợi chỉ dọc ngang đan xen với nhau, nên gọi là vẫn đục, trước là nghiệp chuyển, nay thì hiện tượng.

Phiền não trước.

Lại trong tâm ông nhớ biết tụng tập tánh phát ra cái thấy, biết dung nạp sáu trần, lìa trần thì không có tướng, lìa giác thì không có tánh, đan dệt với nhau mà vọng thành lớp thứ ba, gọi là phiền não trước.

Sáu thức phân biệt nhân duyên trùm khắp ba đời, nhớ là cảnh quả

khứ, biết là trần cảnh hiện tại, tụng tập là cảnh giới của các cõi ở đời vị lai, có công năng phân biệt được thể, trừ sự hay biết của kiến trước ở trước khởi lên.

(Tám trăm tám mươi lăm) Hình tướng do sở phân biệt là sáu trần hiện ra, gọi là tánh phát dung hiện. Dung là tướng, lia trần là giác, vô tướng vô tánh, giao kết nhau khuấy rối nối nhau, gọi là phiền não trước, tức bốn thứ trước trong sáu thô.

Chúng sinh trước.

Lại tâm ông ngày đêm sinh diệt không ngừng, tri kiến thì muốn ở mãi trên thế gian, nhưng nghiệp báo xoay vần thường chuyển dời ở cõi nước, những thứ đó đan kết với nhau vọng thành. Đây là lớp thứ tư, gọi là Chúng sinh trước.

Sinh diệt là hành, hành là nghiệp chúng sinh chấp ái, chỉ muốn ở lại, tánh nghiệp thường vận động dời đổi một đi, một ở, một động dừng, các pháp sinh diệt giao kết nhau, gọi là Chúng sinh trước, là tướng tạo nghiệp.

Mạng trước:

Cái thấy nghe của ông vốn không có tánh khác, do sáu trần ngăn cách không có hình dáng, không có dị sinh, tướng trong tánh biết tướng ở trong dụng trái nhau, đồng khác mất tiêu chuẩn, đan dệt với nhau vọng thành, đây là lớp thứ năm, gọi là Mạng trước.

Mạng là báo pháp, nương vào nghiệp mà dẫn ra, thức thứ tám luôn giữ sắc tâm, công năng không dứt gọi là Mạng. Sáu cái thấy nghe ở trước, vốn là một bản thức, do sáu căn khác nhau mà thành chia ra, dụng của thức tuy chia ra, nhưng thể chỉ một loại, như thể chính là lập khác trong đồng, đối với chỗ khác thấy đồng, đồng khác mất tiêu chuẩn, đan xen lẫn nhau, đối với báo thể chung lại lập ra mạng căn, gọi là Mạng trước, tức tướng khổ do nghiệp ràng buộc, năm lớp trên đều do năng sở vọng giác bóng dáng xoay vần nối nhau, từ tế đến thô, đối đãi lẫn nhau, thứ lớp chuyển sinh, lẫn lộn với chân thành trước, nên có năm nghĩa này.

1) *Tu nhân kế hợp với quả*, có hai:

a) Khuyên bỏ vọng nương chân.

Nầy A-nan! Nay ông muốn cho cái thấy, nghe, hay, biết kế hợp với bốn đức thường, lạc, ngã, tịnh của Đức Như-lai, trước phải loại bỏ cội gốc sinh tử, nương theo tánh trong lặng bất sinh diệt mà thành mê chân khởi vọng, thấy nghe hay biết, bỏ vọng về chân, thường, lạc, ngã, tịnh, không y theo sinh diệt, chỗ chứng mẫu nhiệm sẽ đạt đến. Nếu theo

trần lao thì chân thường càng xa, cho nên khuyên bỏ vọng, nương vào cái bất sinh diệt.

b) Chỉ bày tu định xoay về giác, có hai:

b.1) Chỉ bày dụng tâm:

Dùng sự vắng lặng xoay cái luồng đối sinh diệt trở về với bốn giác, được tánh bất sinh diệt của bản giác làm tâm cho nhân địa, sau đó mới viên thành sự tu chứng của quả địa.

Mới tu tập gọi là Chỉ, thành tựu gọi là Định, trước tu tập sau thành tựu gọi là Trạng.

Luận Khởi Tín nói: Nói Chỉ nghĩa là dừng, tất cả tướng cảnh giới. Cảnh giới bất sinh, thấy nghe không khởi, dần dần hàng phục thô cấu tự dứt.

Kinh Viên Giác nói: Dùng tâm tịnh giác chấp yên tĩnh làm hạnh, do lóng lạng các niệm, giác thức khuấy động, tịnh tuệ phát sinh, thân tâm khách trần dứt hẳn từ đây. Lại bên trong có thể phát ra sự vắng lặng khinh an, do vắng lặng nên tâm các Đức Phật ở khắp các thế giới trong mười phương hiển hiện như bóng hiện trong gương. Phương tiện này gọi là Xa-ma-tha (định). Nếu bất cứ lúc nào tâm không khởi vọng niệm, đối với các vọng tâm cũng không dứt hết, trụ vào cảnh vọng tưởng, không thêm sự hiểu biết, đối với người không hiểu biết thì không nói về chân thật, nên gọi là thuận theo tánh giác. Được tánh vô sinh là tâm Nhân địa, do đó dần dần tu chứng đến chỗ cùng tột, thành quả viên diệu, tu tập lần lần như Thiên Thai Viên đốn chỉ quán rộng sáng.

b.2) Nêu dụ giải thích thêm.

Như lóng nước đục, để một cái chậu yên mãi chẳng động dấy, cát đất từ chìm lắng, nước trong hiện ra, đó gọi là hàng phục khách trần, phiền não, gạn bùn sạch hết, chỉ còn nước trong, gọi là dứt hẳn vô minh căn bản, tướng của minh thuần nhất, tất cả biến hiện đều không gây ra phiền não đều hợp với đức nhiệm mầu thanh tịnh của Niết-bàn.

Chân giác như nước, thấy nghe như nước đục, thân định như bình sạch, pháp định như nước lắng sạch, cát như phiền não, bùn như vô minh, Địa Tiên gọi là hàng phục, Địa Thượng gọi là dứt trừ, rốt ráo gọi là thuần nhất, biến hiện tức là khởi dụng như trước đã nói. Đây là đồng với cái bất sinh bất diệt hợp với Như-lai tạng, mà Như-lai tạng chỉ là Diệu giác tròn sáng chiếu khắp pháp giới, cho đến trái với trần, hợp với giác. Cho nên phát ra tánh chân như diệu giác minh.

2. Môn căn trần kết giải, có ba:

a) Nêu nghĩa khuyên chung.

Nghĩa thứ hai: Nếu các ông muốn phát tâm Bồ-đề, đối với Bồ-tát thừa sinh tâm mạnh mẽ quyết định lìa bỏ các tướng hữu vi thì phải xét rõ ràng gốc rễ phiền não. Từ vô thủy đến nay nghiệp (vô minh) và nhuận sinh (vô minh) phát ra thì ai làm người ấy chịu? Nghĩa quyết định thứ nhất làm cho dứt vọng tâm, hàng phục để trở về nguyên giác, tức là tu chỉ, nghĩa thứ hai này làm cho thấu rõ phiền não, quán sát đội trị là tu quán.

Trước chỉ sau quán, pháp lẽ ra như thế, vô minh phát nghiệp, ái thủ nhuận sinh, sáu thức là năng tác, thức thứ tám là năng thọ, ở đây chỉ có môn quán này phân biệt biết được. Cho nên luận Khởi Tín chép: Nói nghĩa quán, là vì phân biệt tướng sinh diệt nhân duyên.

Kinh Viên Giác nói: Dùng tâm tịnh giác biết tánh tri giác và căn trần đều là huyễn hóa, tức là khởi các huyễn để dứt huyễn, biến hoá các huyễn để khai mở các huyễn v.v...

b) Y theo nghĩa để nói lên sai lầm, có hai:

b.1) Chánh hiển.

Nầy A-nan, ông tu đạo Bồ-đề, nếu không xét quán cội gốc phiền não thì không thể biết căn trần luống dối điên đảo ở chỗ nào? Chỗ còn không biết thì làm sao hàng phục nó và chứng nhập quả Như-lai.

Căn trần luống dối là nhà phiền não, điên đảo trôi lăn đều do đây, nếu biết được nguồn gốc của nó, chỗ trói buộc nó, thì sẽ hiểu được sự rối rắm, để hàng phục được nó.

b.2) Thí dụ giải thích.

Nầy A-nan, ông xem những người kết giải trong thế gian này, nếu không thấy kết thì làm sao biết mà mở, không nghe hư không bị ông phá hủy, vì sao? Vì hư không chẳng có hình tướng không thể kết và giải, vẫn hiển rõ rất dễ hiểu.

3. Chính là nói về hàng tướng, có ba:

a) Nêu chung lỗi của sáu căn:

Cho nên hiện tiền sáu căn của ông là mắt, tai, mũi, lưỡi cùng với thân, ý làm mai mối cho giặc, tự cướp của báu trong nhà. Do đây nên thế giới chúng sinh từ vô thủy tự sinh ràng buộc, không thể vượt khỏi khi thế gian. Sáu căn là môi giới của bọn cướp.

b) Dẫn cướp bên ngoài tức là sáu trần.

Nổi cướp bên trong tức là phiền não.

Giặc cướp trong và ngoài cướp mất chân tánh, nếu biết nguồn gốc thì cướp không thể hại được.

Nêu kinh Niết-bàn nói: Nhóm không sáu nhập nên có sáu đại, thì bọn cướp độc ác sẽ cắt đứt mạng sống của ông, phải lia bỏ ngay, vì huân tập tướng của căn trần, nhập thức thành hạt giống vô thỉ nối nhau đều do đây mà thành, không biết điều phục sẽ bị hại.

c) Nêu riêng dụng hơn kém của căn, có hai.

* Y theo sự thay đổi của thế giới để nói chung về công đức, có ba.

- Giải thích tên gọi, nói về tướng.

Này A-nan! sao gọi là thế giới chúng sinh?

Thế là đời đời, giới là phương vị. Nay ông nên biết, Đông, Tây, Nam, Bắc, Đông Nam, Tây Nam, Đông Bắc, Tây Bắc, phương trên phương dưới là Giới, quá khứ vị lai là Thế.

- Về phương vị của không gian có mười thứ, sự trôi lăn của thời gian có ba. Tất cả chúng sinh giao kết vọng tưởng thành trong thân có sự đời đời, thế giới lẫn lộn nhau. Thế giới có ba, đó là khí giới, năm ấm và chúng sinh, chọn lựa hai thứ kia, cho nên nêu ra chúng sinh. Nếu vượt qua một căn nào thì các căn còn lại đều giải thoát.

- Bốn câu trước là giải thích tên gọi, câu này ông nên biết là giải thích tướng, câu tất cả chúng sinh vọng kết với nhau mà thành v.v... trở xuống là kết luận sự chỉ bày, trong thân là Giới, (tám trăm tám mươi sáu) đời đời là Thế. Thế giới đan dệt lẫn nhau cho nên nói giao nhau, ngoài ra như văn kinh chép.

4. Chọn phương vị nhất định:

Tánh giới này tuy là mười phương định vị có thể nói thế gian nhưng chỉ có Đông, Tây, Nam, Bắc, phương trên, phương dưới không có vị trí, chính giữa, không có phương hướng nhất định. Thế tánh của giới nương vào giả mà lập, tuy nói mười phương. Nhưng nếu dùng vị trí thứ lớp, thì quyết định rõ ràng bốn hướng Đông, Tây, Nam, Bắc có thể làm chuẩn, còn các phương khác đều không nhất định.

5. Thay đổi thành công:

Bốn số phải rõ, liên quan với thế gian, ba nhân bốn, bốn nhân ba, xoay vần thành số mười hai, trôi lăn rồi nhân lớp thứ ba từ một, mười, một trăm, một nghìn, bao gồm đầu cuối, trong sáu căn mỗi căn có đến một ngàn hai trăm công đức. Nghĩa ba lần thay đổi xưa nay đã giải thích nhiều, đều thấy văn đó không thể kể lại đầy đủ, nay đã giải thích nghĩa không thêm pháp khác, do số nó thay đổi, nay chỉ dùng văn quá khứ, hiện tại, vị lai để tính ngang dọc, liến thành một ngàn hai trăm công đức, như vị trí thứ nhất. Ba đời nhân với bốn phương thành số mười hai,

thành lớp thứ nhất. Toán vị tức là một ngang hai dọc, đã thành quá khứ. Thứ hai là biến thành một đời quá khứ cho là hiện tại. Tiến động toán vị một dọc hai ngang thành một trăm hai mươi là lớp thứ hai, thứ ba lại biến thành đời hiện tại cho là vị lai.

Tiến động toán vị, một ngang hai dọc thành một ngàn hai trăm là lớp thứ ba, pháp năng biến chỉ có trong ba đời, số sở biến cũng dừng ở một ngàn hai trăm, cho nên không thêm không bớt.

Hỏi: Văn kinh đã nói: Thế giới giao nhau ba đời bốn phương thành số mười hai. Sao gọi là Biến số? Chỉ y theo luận thế gian, không lấy phương để nói ư?

Đáp: Thế của phương thường nhất định, nghĩa thế gian chuyển động, vì nhất định nên không thay đổi, vì động nên đời đổi. Nay đã đổi mười thành một ngàn, biến nhiều từ ít, y theo thế gian thì thuận, khác về nghĩa phương hướng thì không phù hợp. Chẳng phải chỉ có nghĩa không phù hợp nhau mà số lớp cũng khó hợp.

Văn kinh nói ba lớp thay đổi, há không phải chỉ y theo ba đời mà nói ư? Hỏi: Ba đời đời đổi, phải từ vị lai biến thành hiện tại, từ đời hiện tại đổi thành quá khứ, sao văn này nói ngược lại?

Đáp: Nay y theo chỗ sâu kín dẫn đến đấm trước, biến ít thành nhiều, đã là số mười hai nên thành một ngàn. Cho nên không thể trước y theo vị lai để đổi đãi lớp ban đầu. Vì vị lai chưa thấy số, nên phải trở lại đổi, vì thay đổi là nghĩa nghịch.

Văn dưới nói: Sinh từ thuận theo huân tập, tử từ biến đổi, Văn kinh đã nói thay đổi, nên cần phải nghịch tăng con số ấy. Nay y theo sáu căn trong thân chúng sinh duyên lấy cảnh vốn phân ra công năng. Dụng gọi là công đức, chẳng phải giống như trì kinh Pháp Hoa đã huân tập giúp cho dụng thanh tịnh, nhiễm tịnh dấu khác nhưng đều nhờ năng lực huân tập xưa nay mà thành. Cho nên số lượng không khác với văn này.

Y theo về sự hơn kém của căn và dụng để chỉ riêng công đức, có sáu.

1) Nhãn căn:

Nầy A-nan, ông đối với sáu căn xác định sự hơn thua, như nhãn căn quán thấy, sau thì tối trước thì sáng, phía trước hoàn toàn sáng, phía sau hoàn toàn tối, nhìn qua hai bên chỉ thấy hai phần ba. Tóm lại công đức không hoàn toàn, ba phần nói công, một phần nói đức, nên biết mắt chỉ có tám trăm công đức.

Hai câu trước là bảo chung, câu như nhãn căn v.v... trở xuống là

chỉ bày.

Câu ngó qua hai bên hai phần ba, là nêu một phương trong ba trăm phương, hai trăm hoàn toàn gần, chỉ có hai trăm năm mươi công đức, một phương đã như vậy, các phương khác cũng vậy. Nay nhìn hai bên, mỗi phương được hai trăm toàn phần, gần chỉ có hai mươi lăm công đức, cộng thành năm trăm công đức và nói đủ ba trăm công đức, đều thành tám trăm.

Ba phần nói công là thấy ba phương, còn lại đều rất dễ hiểu.

2) *Nhĩ căn:*

Như nhĩ căn nghe khắp mười phương không sót, lúc động dường như có xa gần, lúc tĩnh không có bờ mé, nên biết nhĩ căn đầy đủ một ngàn hai trăm công đức, mười phương đều đánh trống, thì mười phương đều nghe, động có phần hạn cho nên nói xa gần. Tĩnh chẳng có số lượng nên không bờ mé, vì vậy nói là không có bờ mé, đồng với cảnh của nhĩ căn, cho nên ở đây hiển hiện cả hai.

3) *Tỷ căn:*

Như mũi ngửi mùi có cả thở ra hít vào, có ra có vào, mà sót khoảng giữa, nghiệm về tỷ căn có ba phần mà thiếu một phần, nên biết tỷ căn chỉ có tám trăm công đức. Ra vào khoảng giữa giao tiếp thành ba phần, một phần có bốn trăm, vì thiếu khoảng giữa, cho nên chỉ có tám trăm công đức.

4) *Thiệt căn:*

Như lưỡi giảng nói cùng tột các trí thế gian và xuất thế gian, lời nói có phương phần, nhưng nghĩa lý vô cùng tận, nên biết thiệt căn có đầy đủ một ngàn hai trăm công đức. Cảnh sở tri của thế gian và xuất thế gian, chỉ có thiệt căn mới hiển rõ, lời nói năng thuyên còn có phần hạn. Lý sở thuyên không thể cùng tận, cho nên có một ngàn hai trăm công đức.

5) *Thân căn:*

Như thân căn xúc chạm biết thuận nghịch, khi hợp thì biết, khi lìa thì không biết, lìa một hợp hai, nghiệm về thân căn ba phần thiếu một, nên biết thân chỉ có tám trăm công đức. Hợp đủ nghịch và thuận lìa chỉ xả thọ, cho nên nói là không biết. Nay y theo chỗ biết nghịch thuận đều có bốn, cho nên được tám trăm, thiếu đối với lìa biết cho nên thiếu bốn trăm.

6) *Ý căn:*

Như ý căn thâm lặng chứa đựng tất cả trí thế gian và xuất thế gian trong ba đời mười phương, chỉ có Thánh và phàm đều bao gồm tận bờ

mé, nên biết ý căn có một ngàn hai trăm công đức.

Ý căn có công năng trùm khắp tất cả pháp thế gian và xuất thế gian trong ba đời ba tánh, thấy đều đầy đủ, văn nói rất dễ hiểu.

* Chọn viên căn tu chứng, có hai.

- Khuyên khiến chọn, có bốn.

+ Khuyên lựa chọn kỹ càng.

Này A-nan! nay ông muốn ngược dòng sinh tử trở về nguồn cội, đến chỗ không sinh diệt, thì nên xét kỹ sự thọ dụng của sáu căn này, cái nào hợp, cái nào lia, cái nào sâu, cái nào cạn, cái nào là viên thông, cái nào không tròn đầy, bỏ vọng về chân. Chân là nguồn chân, cho nên nói đến chỗ bất sinh diệt. Đây là dùng nguồn rõ giác, gọi là rốt ráo giác. Muốn được giác này, phải chọn viên căn làm cốt yếu hướng về đạo. Nếu mười phương đều nghe thì chỉ có nhĩ căn là hơn hết, ý khiến chọn lựa để nhập viên thông.

Như Văn dưới nói: Cách vách nghe tiếng vang, xa gần đều nghe được, năm căn không bằng nhau, cho nên thông chân thật.

+ Chỉ bày riêng công năng.

Nếu ông ngay nơi các căn này, ngộ được căn nào viên thông mà xoay ngược dòng nghiệp luống dối từ vô thủy kia thì lần lượt được viên thông, một ngày hơn một kiếp so với căn không viên thông. Đó là do Như-lai biết thời biết cơ, làm cho tự chọn lựa ưa thích, khởi hạnh thuận theo tướng ứng.

Như Văn dưới nói: Nay ta muốn khai ngộ cho A-nan, hai mươi lăm hạnh cái nào sẽ là căn của A-nan, lại sau khi ta diệt độ chúng sinh trong thế giới này sẽ nhập Bồ-tát thừa và cầu đạo Vô Thượng, thì môn phương tiện nào được dễ thành tựu? Cho nên nói một ngày hơn một kiếp.

+ Hứa sẽ giảng nói.

Nay ta hiển bày đầy đủ công đức vắng lặng tròn sáng của sáu căn, số lượng như thế, tùy ông lựa chọn căn nào để nhập, thì ta sẽ phát minh làm cho ông được tinh tấn thêm, nói đủ công đức sâu cạn của sáu căn, tùy theo ý chọn lựa của ông, muốn đổi với một căn mà được nhập Tam-muội. Ta sẽ khai phát hiển rõ, giúp cho ông được tăng tấn Thánh đạo vô thượng.

+ Phải phân biệt nguyên nhân.

Các Đức Như-lai trong mười phương đối với mười tám giới tu hành giới nào cũng, đều được viên mãn Vô thượng Bồ-đề, ở trong đó cũng không hơn kém, nhưng ông căn cơ thấp kém, chưa thể phát huy trí tuệ

tự tại. (tám trăm tám mươi bảy) Cho nên ta giảng nói, giúp cho ông chỉ vào sâu một cửa, vào một cửa không lưỡng đối, thì tất cả sáu căn cùng lúc đều thanh tịnh. Nếu y theo sự vô ngại của Phật thì sáu căn đều được viên thông, tức là đồng với kinh Ương-Quật nói: Cái gọi là nhãn căn kia, đối với các Đức Như-lai thường đầy đủ sự tu hành vô giảm, thấy rõ ràng cho đến sáu căn đều nói như thế. Cho nên nói cũng không có hơn kém. Chỉ có ông căn tính kém cõi phải chọn lựa, căn chẳng phải đường tắt, thì tu trong một kiếp cũng vô ích. Nếu được viên môn thì một ngày hơn một kiếp, cho nên một căn trở về nguồn thì sáu căn thanh tịnh?

- Nói rộng sự thừa thỉnh, có hai:

+ Trình bày thừa thỉnh.

A-nan bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Vì sao lại ngược dòng sinh tử đi sâu vào một môn, có thể làm cho sáu căn cùng lúc thanh tịnh? Trước kia, Đức Phật khuyên ý nói rõ, thể của Như-lai tạng thanh tịnh vốn nhiên. Do giác mạnh nên chia thành sáu vọng, nếu soi chiếu lại thì từ một căn đi vào biển nhất tánh, pháp giới nhất tướng. Lại không có sự khác nhau giữa sáu căn và một căn. Cho nên nói đi sâu vào một môn thì sáu căn thanh tịnh. Nay thật khó nói, sáu căn thật có vốn là một thể, nếu là một thể sao lại chia làm sáu? Cho nên nay chỉ bày nguyên nhân giữa một căn và sáu căn.

* *Giải thích rộng*, có bốn:

Lại phá cái thấy về một căn và sáu căn, có ba:

So sánh hiển bày các pháp chấp chưa mất:

Phật bảo A-nan, nay ông đã chứng quả Tu-Đà-hoàn, đã dứt được kiến hoặc của chúng sinh trong ba cõi trên thế gian nhưng vẫn chưa biết các tập khí lưỡng đối đã chứa nhóm trong căn từ vô thủy, tập khí kia phải từ tu mới dứt bỏ được, huống chi quá trình đời đời phân chia của sinh. Trụ, dị, diệt ở trong đó. Việc một căn là sáu căn chính là pháp chấp, vì chấp căn là thật có một là sáu. Ngài A-nan chứng được Sơ quả dù phá được ngã chấp, nhưng chưa dứt được phiền não cấu sinh, huống chi pháp chấp này là sở tri chướng vô minh trụ địa, chướng này rất sâu kín, gọi là quá trình đời đời phân chia của sinh, trụ, dị, diệt ở trong căn.

Phá trừ nghi tình về một căn và sáu căn, có ba.

1) *Gạn lại*:

Nay ông hãy xem sáu căn hiện tiền là một hay sáu? Như văn kinh nói:

2) *Bác bỏ*, có hai:

a) *Bác bỏ một*.

Này A-nan, nếu cho là một thì tại sao không thấy? Mắt sao không nghe? Đầu sao không đi? Chân sao không nói? Nếu nói một, thì sáu có công dụng lẽ ra khác nhau, mắt hợp với năng nghe, đủ để giải thích nay ông không đúng.

b) Bác bỏ sáu.

Nếu sáu căn này quyết định thành sáu, như nay ta ở trong hội giảng nói pháp môn mâu nhiệm cho ông nghe, vậy sáu căn của ông căn nào lãnh thọ?

A-nan trả lời: Con dùng tai nghe.

Phật nói: Tai ông tự nghe, có liên quan gì đến thân miệng, mà miệng thì hỏi đạo, thân tỏ sự cung kính?

Nếu nói là sáu khác thì lẽ ra không liên quan nhau, một chỗ nghe kinh, vì sao lại kính hỏi?

Kết luận: Cho nên biết, chẳng phải một cuối cùng thành sáu, chẳng phải sáu cuối cùng thành một, không phải căn nguyên của ông vốn một vốn là sáu. Hai câu trước là kết luận trước kia, phá lẫn nhau, hai câu sau hiển rõ không có một hay sáu, thể của căn vốn không, đâu có một và sáu ư?

3. *Giải thích thành một và sáu đều là vọng, có hai.*

a) Giải thích thành.

A-nan, nên biết! căn này chẳng phải một, chẳng phải sáu, do vọng chấp điên đảo đắm chìm từ vô thủy, cho nên đối với bản tánh vắng lặng sinh ra nghĩa một, sáu. Ông là bậc Tu-đà-hoàn, dù được tiêu sáu, nhưng chưa mất một, tạng thể tròn sáng, không có sự khác nhau giữa một và sáu, sáu căn điên đảo từ vô thủy gượng sinh ra. Nghe nói hiểu sáu lại chấp là một, một và sáu đối đãi do lường đối mà sinh nhau, chìm trong bốn dòng đối đãi không dứt, tri kiến đời đối biến một thành sáu, cho nên nói đắm chìm, dầu được tiêu sáu nhưng chưa mất một, theo điều ông hiểu, dù muốn trừ sáu mà không trừ được một, vì chấp sáu căn là một thể.

Lại nữa, người chứng Sơ quả, không chấp sáu trần gọi là sáu tiêu mất. Chấp căn có tự thể gọi là chưa mất một. Kinh Niết-bàn chép: Tu-đà-hoàn, Hán dịch là Nhập Lưu, mà không có chỗ nhập, không nhập sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Kinh Niết-bàn cũng chép: Người chứng quả Tu-đà-hoàn, dầu sinh vào cõi nước hung ác, nhưng nhờ năng lực tu tập nên không làm các điều ác, không bị sáu trần mê hoặc, không gây tạo nghiệp mới. Có chỗ cho rằng chỗ sáu trần tiêu thì kiến hoặc không sinh, chấp một

không cho là thể của quả. Cho nên nói chưa mất một.

b) Dụ hiển:

Ví như đặt hư không vào nhiều bình chứa, do bình chứa khác nhau, nên nói hư không có khác, nếu đập bỏ hết bình chứa xem hư không rồi nói hư không là một, hư không kia làm sao vì người mà thành đồng, hay khác, huống chi lại gọi một hay chẳng phải một. Cho nên, ông biết rõ sự thọ dụng của sáu căn cũng như vậy.

Hư không là Như-lai tạng, nhiều bình chứa là sáu trần, hư không khác nhau là sáu căn, pháp giới tạng thể chẳng phải một, chẳng phải sáu. Do trần phát ra cái biết thành sáu căn khác nhau. Nếu trần không duyên với ý căn thì không hợp nhau, sáu đã không lập thì một cũng không thành, đâu có tên gọi đồng hoặc khác, sao lại đặt ra tướng một và sáu?

* *Nói rộng về nguyên nhân ràng buộc của căn, có hai.*

- Nói riêng, có sáu.

+ Nhãn căn.

Do hai thứ sáng tối v.v... làm tỏ rõ lẫn nhau, ở trong sự vắng lặng phát ra cái thấy, bản tánh nhất viên, thường diệu tròn sáng, vọng hiện ra tướng phân biệt sự khác nhau giữa sáng và tối, sáng tối làm lay động tánh giác trạm lẫn nhau, tánh tướng hòa hợp chấp thành vọng giác. Cho nên nói tánh vắng lặng phát ra cái thấy. Đây là sở đã vọng lập sinh ra vọng năng của ông.

Kiến tính ánh sắc, kết sắc thành căn, kiến tính tức vọng giác, năng sở huân tập đan dệt vào nhau, căn buộc liền thành, nên nói kết sắc thành căn.

Gốc của căn gọi là bốn đại thanh tịnh, đã giác minh lẫn nhau, nên chính là do vắng lặng hợp thành, do đó gọi là bốn đại thanh tịnh, tức là Thắng nghĩa căn.

Do đó gọi là thể của mắt, như trái nho tươi, phù trần căn là bốn trần trôi lăn theo sắc trần, sắc của thắng nghĩa căn thuộc về cái không thể thấy, mà có sự ngăn ngại. Cho nên nhờ tướng trái nho làm chỗ nương cho căn thế tục, biểu hiện cho thắng nghĩa chạy theo bốn cảnh của sự sáng tối. Cho nên nói trôi lăn theo sắc trần. Đại ý của năm căn ở dưới cũng như vậy, nên không giải thích tỉ mỉ, ví như dưới đây rất dễ hiểu.

+ Nhĩ căn:

Do hai thứ động và tĩnh đối chọi lẫn nhau, ở trong diệu viên, lóng lạng phát ra cái nghe, cái nghe gặp thanh trần lôi cuốn thanh trần thành

căn, gốc của căn gọi là bốn đại thanh tịnh, gọi là thể của lỗ tai như lá sen non, phù căn bốn trần còn trôi lăn theo thanh trần. Nghe thanh tịnh tức là vọng giác.

Đã là động tĩnh kích phát lẫn nhau, bỏ chân thành vọng, mất đi tánh vắng lặng của chân liền phát ra cái nghe cuộn vào bóng của tiếng kia, kết bóng thành căn, tánh của tiếng hư tán. Cho nên phải cuộn nhiếp để thành nghĩa của cái nghe. Đã cuộn thành căn giống như lá sen non.

+ Tỷ căn:

Do hai thứ thông bít kích phát nhau mà phát ra trong diệu viên, lóng lặng mà phát ra cái ngửi, ngửi hương tinh anh, do hương mà thành căn. Gốc căn gọi là bốn đại thanh tịnh nhân gọi thể của tỷ căn, như hai ngón tay duỗi xuống. Phù căn bốn trần chạy theo hương, thông bít phát ra, giác minh theo hương, ở chỗ diệu viên vắng lặng kết thành tỷ căn. Mùi hương dâng lên, căn chấp duỗi xuống, như hai ngón tay duỗi xuống.

+ Thiệt căn:

Do điềm tĩnh và biến động giao xen nhau, ở trong diệu viên lóng lặng rồi phát ra, ném vị tinh anh, cuốn vị thành căn. Gốc của căn gọi là bốn đại thanh tịnh, nhân gọi thể của lưỡi như trắng nửa vàng, phù căn bốn trần chạy theo vị, hai thứ điềm tĩnh và biến động giao xen nhau, xen vọng dính vào chân, hợp với tướng tâm và cảnh, kết lấy để thành. Căn y theo sở y. tướng như trắng nửa vàng.

+ Thân căn: (tám trăm tám mươi tám)

Hai thứ ly hợp chạm vào nhau, ở trong diệu viên lóng lặng sinh ra cái biết, cái biết gọi là xúc, buộc xúc thành căn. Căn vốn gọi là bốn đại thanh tịnh. Nhân gọi là thể của thân như lưng đeo trống, phù căn bốn trần chạy theo xúc, lia hợp, xúc chạm, viên trạm chạy theo vọng, giác xúc đối đãi nhau ràng buộc chấp lấy thành căn, năng tạo sở tạo cả hai có tám pháp, pháp ấy không thể thấy, gá vào chỗ nương như lưng đeo trống.

+ Ý căn.

Do hai thứ sinh diệt nối nhau, ở trong diệu viên lóng lặng phát ra cái biết. Cái biết gọi là pháp, chấp lấy pháp thành căn, căn vốn gọi là bốn đại thanh tịnh. Nhân gọi là ý tứ suy nghĩ như ở trong nhà tối mà thấy, phù căn bốn trần rong ruổi theo pháp. Diệu viên không xao động, sinh diệt vọng bày, hòa với cái lóng lặng thành cái biết, cái biết lại chấp pháp, căn cảnh đã ràng buộc, chạy mãi không thôi. Vì trong sáu căn hề nhiếp bất cứ một căn nào thì năm căn trước cũng gọi là bốn đại,

nó ở trong thân không rõ tướng bên ngoài, như ở trong nhà tối mà thấy, nhưng ý căn này vốn do vọng trần sinh diệt trói buộc, vọng trần không lìa hình bóng vọng giác. Nếu dùng cái hữu sắc, vô sắc làm tranh luận, giống như chờ hoa đốm trong hư không kết thành quả hư không. Cho nên sở minh của sáu căn đều là bốn đại, không trái nhau.

Tổng kết, có hai:

1. Kết do mê mà phát hiện:

Này A-nan! Sáu căn như thế do giác minh kia. Có minh và minh giác, mất đi sự tinh liễu kia, luống vọng phát sáng, thể của tánh giác vốn có chân minh, do vọng giác kia mà bóng sáng bỗng khởi. Bèn làm cho chân giác ẩn vào tinh liễu, mất đi tánh chiếu soi chân thật, vọng giác bóng sáng tự chấp vào nhau huân tập thay đổi mà kích phát, kết thành sáu thứ ánh sáng tri kiến. Cho nên sáu căn này do mê mà phát hiện, tướng phát hiện thấy rộng khắp, thấy trong Văn trên.

2. Kết lìa trần vô thể:

Cho nên nay ông lìa sáng lìa tối không có tự thể của cái thấy, lìa động lìa tĩnh vốn không có tính chất của cái nghe, không thông, không bí thì tánh ngữi không sinh khởi, không biến động, không điềm tĩnh thì tánh nếm không có chỗ sinh ra, không lìa không hợp thì giác xúc vốn không, không diệt không sinh, biết rõ làm sao gá. Do cảnh có căn. Như gió dậy sóng, cảnh gió không dứt, sóng thức đâu cùng. Cho nên lìa trần cảnh thì không có căn thức.

Chỉ bày môn nhập vào một:

Ông lại không theo động tĩnh, hợp ly, điềm biến, thông bí, sinh diệt, sáng tối, mười hai tướng hữu vi ấy không theo sáu cảnh.

Hễ dứt được một căn nào thì bên trong hàng phục, hàng phục trở về nguyên chân, phát bốn minh diệu, tánh diệu (sáng) phát minh. Năm căn còn lại phải dứt bật mới viên thoát. Viên thoát là tiêu mất. Chấp cảnh thành căn, do căn mà bị ngại. Giữ tâm không khởi thì các cảnh tự mất. Đã không nối nhau thì tự nhiên sẽ mất.

Văn dưới nói: Thấy nghe như mắt nhắm. Ba cõi như hoa đốm trong hư không, nghe lại nhắm thì căn trừ, trần tiêu thì viên giác tịnh, tịnh cùng cực thì ánh sáng thông đạt, cho nên nói phục quy về nguyên chân phát bốn minh diệu.

Kinh Lăng-già chép: Không rõ tâm và duyên thì sinh hai vọng tưởng, liễu tâm và cảnh giới thì vọng tưởng bất sinh. Vọng tưởng bất sinh thì phát minh ra diệu, đều là nghĩa này.

** Kết hiển lý chân giác có hai.*

- Lược nêu bày.

Sự thấy biết không do tiền trần sinh khởi, sáng không theo căn, nường vào căn mà phát sáng.

Do sáu căn này làm dụng cho nhau. Thấy nghe biết do trần mà phát sinh, hoàn toàn không có tự thể, nay chẳng phải là những điều này. Đây là phân biệt với vọng.

Câu sáng không theo căn v.v... trở xuống là nói về chân, nghĩa là Chân diệu giác minh không theo căn và cảnh, tức là không theo duyên sinh, không do cảnh khởi, rõ ràng tự giác tức là tánh minh.

Kinh Viên Giác cũng nói: Không biết giác minh không dựa vào các ngại. Đây cũng xét không biết hiển bày chân minh, này đâu nường vào căn trần mới hiển phát. Cho nên nói nường giá. Vì nường giá nên nó làm dụng cho nhau.

- Giải thích rộng về sự thành tựu, có bốn:

+ Y theo người để nói về dụng:

Này A-nan! Ông đâu không biết A-na-luật-đà ở trong hội này không có mắt mà thấy.

A-Na-luật-đà: Hán dịch là Vô Diệt, con Vua Bạch Phạn, vì hay ngủ nên bị Như-lai quở trách. Từ đó, Ngài tinh tấn tu hành suốt bảy ngày đêm không ngủ. Vì vậy nên đôi mắt bị mù. Phật dạy A-na-luật-tu thiên nhãn, buộc niệm vào duyên, bốn đại tịnh sắc nửa đầu mà phát. Thấy chướng ngại trong ngoài, sáng tối đều nhìn kỹ, chiếu soi thấy được thế giới Tam thiên như thấy trái xoài trong lòng bàn tay. Cho nên nói không mắt mà thấy.

Rồng Bạt-nan-đà không có tai mà nghe được. Bạt-nan-đà: Hán dịch là Hiền Hỷ.

Rồng Bạt-nan-đà và Nan-đà thường hộ trì nước Ma-ca-đà. Lúc bấy giờ, trời mưa khắp nơi trong nước, dân chúng bị mất mùa đói khát. Vua Bình sa lập hội báo ân rồng, mọi người đều ưa thích. Từ đó, có tên như vậy.

Nan-đà, Hán dịch là Hoan Hỷ, bị Mục-kiền-liên hàng phục. Còn nói không tai mà nghe thì chưa rõ duyên khởi. Thần Nữ Khắc-Ca không có mũi mà ngửi được. Khắc-ca cũng gọi là Đát-ca, Hán dịch là Thiên Đường lai. Con sông này từ miệng voi bạc phía Nam ao Vô nhiệt nảo chảy ra, chảy về phía Đông Ấn-độ. Vị Thần Nữ này là thần chủ sông ấy. Là người nữ nên gọi là Thần nữ. Không có mũi mà ngửi mùi được thì chưa thấy duyên khởi ấy.

+ Kiều-phạm-bát-đề không lưỡi mà biết vị.

Kiều-phạm-bát-đề dịch đúng là Cấp-phòng-bát-đề. Hán dịch là Ngưu Tướng. Kinh nói: Ta bị khẩu nghiệp, vì ở thời quá khứ chế giễu Sa-môn cho nên đời đời kiếp kiếp bị bệnh nhai lại như trâu bò. Nhai: Bò sau khi ăn thường nhai lại cho tiêu.

Bấy giờ mọi người gọi ta là Ngưu ty. (Nhai lại như trâu bò)

Về có lưỡi khác lạ thì chưa thấy duyên khởi, hoặc có lẽ đã nói ngưu tướng tức là lưỡi bò và có khả năng nói rõ vị về mùi vị của thức ăn con người, cho nên nói không lưỡi mà biết vị.

Thần Thuấn-nhã-đa không có thân mà biết xúc chạm, trong ánh sáng của Như-lai phát ra làm cho tạm hiện. Đã là chất gió, thể nó vốn không. Thuấn-Nha-Đa Hán dịch là không, tức là vị thần hư không. Các tầng trời cõi Vô Sắc cũng thuộc loại này. Tùy theo vị chủ ấy cũng không có chất sắc.

Đã là chất gió: Ở đây y theo thể không thể thấy cho nên nói vốn không. Nhờ năng lực Phật cho nên tạm hiện, cũng hiển sắc định tự tại, sắc Vô nghiệp. Các vị trời cõi Vô Sắc rơi lệ như mưa chính là việc này.

Các vị Thanh Văn định Diệt Tận được vắng lặng, Như-Ma-ha Ca-diếp ở trong hội này đã diệt được ý căn từ lâu.

Tròn sáng biết rõ không nhờ tâm niệm. Được định Diệt Tận thì Đại thừa, Tiểu thừa đều có, nhưng tu ý khác nhau. Nghĩa là diệt sáu thức hoàn toàn hết bảy phần nhiễm.

Ma-ha Ca-diếp vào núi Kê Túc đợi Phật Di-lặc ra đời. Luận-câu-Xá thì nói đã nhập Niết-bàn, các thuyết khác thì nói nhập định. Tuy Bạc Thánh nói như vậy nhưng nếu nêu các kinh nay phó chúc cho A-nan nên biết nhập định, nhập Niết-bàn đều không thể suy lường.

Đã biết thân còn mà ý căn diệt, tròn sáng biết rõ không ngại tác dụng. Cho nên kinh Duy-ma nói: Không khởi Diệt định mà hiện các oai nghi tức là nghĩa này. Nhưng ở trên nói muốn hiển bày chân giác không nhờ căn trần, lại trích dẫn sáu vị lược để so sánh. Trong đó, có người nghiệp báo, có người tu đắc, có người phát chân, tu đắc phát chân toàn là chân dụng nghiệp báo mê hoặc, lấy cạn để so với sâu, đều không do căn mà giác biết không mất.

+ Y theo pháp dụng thể.

Này A-nan! Nay các căn của ông nếu dứt rồi thì bên trong phát sáng, như thể các tướng biến hóa như phù trần căn và khí thể gian giống như nước sôi tan băng, ngay một niệm hóa thành tri giác vô thượng. Muôn pháp ba cõi đều do vô minh vọng niệm mà thành phân biệt.

Nay sáu căn đã nhỏ bớt, trần không có sự dính mắc, vọng niệm chẳng sinh thì bên trong ánh sáng suốt, cho nên tướng huyền phù trần khí thế giới, hư không, một thể viên thành, trở về vô thượng giác.

Cho nên vẫn dưới nói: Cái nghe trở lại hết nhậm mắt. Trần tiêu mất thì giác viên tịnh, khi cực tịnh thì ánh sáng thông đạt, vắng lặng chiếu soi bao trùm khắp hư không, trở lại quán sát thế gian, như việc trong mộng. Lại nói các thầy một người phát chân về nguồn thì mười phương hư không thấy đều tiêu mất, hướng chi là các thế giới, hư không?

Đây là muôn pháp dung chân, tất cả thường trụ, vô tình thành Phật đâu có lạ gì.

Nếu cho rằng vô tình không thể khởi hạnh, không thể thành Phật thì đâu khác gì mong hoa đốm trong hư không kết thành quả hư không. Pháp không trị lấp bít, ngã tướng thấy sâu xa, nếu vô tình không thành Phật thì ngoài tâm có pháp rõ ràng như vậy. Bàn suông về viên thật, tâm và lời trái nhau, đâu không sai lầm ư?

+ Nêu việc để so sánh hiển bày.

Này A-nan! Như người thế gian kia tự cái thấy ở mắt, nếu làm cho phù hợp thì tướng tối hiện ra, sáu căn mờ tối, đầu và chân không phân. Người ấy dùng tay lần theo thân mà buộc bên ngoài, người ấy tuy không thấy nhưng đầu chân phân biệt rõ, thấy biết là đồng: Đây là dùng sáu căn của người thế gian cách xa không thông dung nhau. Nếu có tri giác đồng thì chẳng lẽ so với chân giác phải nhờ vào căn trần? Sáu căn không phân biệt được nên nói là mờ tối. Đầu chân không phân nên gọi là giống nhau. Nếu dùng tay sờ mó, đầu chân phân biệt rõ thì không khác với cái thấy, cho nên nói tri giác là đồng.

* *Chỉ vọng kết chân:*

Duyên với cái thấy là do cái sáng, tối thì thành không thấy, không sáng tự phát, thì các tướng tối không thể mờ tối. Căn trần đã tiêu mất thì làm sao giác minh không thành viên diệu.

Hai câu đầu là chỉ ra vọng, nghĩa là cái thấy từ căn cảnh duyên mà sinh ra, cho nên nói duyên theo cái thấy. Câu không sáng v.v... trở xuống là phát là kết thúc về chân, nghĩa là không chạy theo duyên sinh không do cảnh khởi, vắng lặng thường chiếu. Cái sáng không thể phát, cái tối không thể mờ, thuần nhất chân giác, bên trong sáng suốt thanh tịnh. Thể này phát hiện, căn trần thức tâm viên diệu trong nhất thời, cho nên vẫn trước nói: Ngay trong một niệm hóa thành trí giác vô thượng.

* *Phá riêng nghi tình, có ba:*

- Chân thức đoạn diệt nghi, có hai:

+ A-nan trình bày nghi, có hai:

Nhắc lại điều đã nghe.

A-nan bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Như lời Đức Thế tôn nói, do tâm địa giác mà muốn cầu thường trụ, muốn tương ứng với quả vị, như văn kinh nói.

* *Trình bày nghi nạn, có bốn:*

- Nêu quả thường trụ:

Bạch Đức Thế tôn! Như trong quả vị Bồ-đề, Niết-bàn, chân như, Phật tánh, thức am-ma-la không Như-lai tạng, trí đại viên cảnh. Bảy loại này tên gọi tuy khác nhau nhưng thể tánh thanh tịnh tròn đầy vững chắc thường nhiên. Như Kim Cương Vương thường trụ chẳng hoại.

Bồ-đề Hán dịch là Tri giác, tức là trí quả.

Niết-bàn dịch là tịch diệt, tức là đoạn quả, lìa bỏ vọng không thay đổi nên nói là chân như:

- Chiếu soi bất biến gọi là Phật tánh.

Am-ma-la: Hán dịch là Vô cấu, lìa chướng ngại thì hiển hiện, tức là thức bạch tịnh vô cấu.

Không tương ứng với vọng nhiễm, chứa đựng vô lượng công đức nên gọi là không Như-lai tạng.

Có thể hiện thân cõi, lìa điên đảo mà thành, soi khắp muôn vật gọi là trí Đại viên cảnh.

Bảy thứ này tuy tên gọi khác nhau nhưng là một thể chẳng khác.

Vững chắc vắng lặng, thường trụ bất động, như kim cương.

Nói lên nhân vô thường.

Nếu cái thấy nghe này lìa sáng tối, động tĩnh, thông bí, hoàn toàn vô thể. Giống như tâm niệm lìa trần cảnh thì vốn không có. Lìa trần vô thể sáu căn đều như vậy, cho nên trước nêu cái thấy và nghe, sau thì chỉ cho ý căn.

“Giống như” là chỉ từ.

- Tiến lùi thành nghi ngờ.

Vì sao dùng cái rốt ráo đoạn diệt này cho là nhân tu, muốn được bảy quả thường trụ của Như-lai.

Bạch Đức Thế tôn! Nếu lìa sáng và tối thì cái thấy không bao giờ có, nếu không có trần cảnh thì niệm tự tánh diệt. Tiến lùi tuần hoàn suy tìm sâu kín, vốn không có ngã tâm, và ngã tâm sở, thì do đâu mà lập nhân cầu Vô thượng giác.

Nhân duyên khởi, tự thể vốn không, cho nên nói rốt ráo đoạn diệt.

Tiến lui suy tìm không có ngã tâm, vì phân biệt không mất thì chân giác khó hiển bày, chỉ có đoạn diệt bất giác diệu thường. Cho nên nói nhờ vào đâu mà lập nhân cầu Vô thượng giác.

- Kết lời gạn hỏi, xin chỉ bày.

Như-lai trước nói trạm tinh viên thường, trái với lời chân thật, cuối cùng thành nói suông, thế nào là Như-lai là Đấng chân thật ngữ? Cúi mong Thế tôn rũ lòng từ bi mở bày sự mê muội cho con. Như-lai nói có viên thường vắng lặng. Đến nay những điều bác bỏ chỉ là đoạn diệt. Rõ ràng lời nói tuy có, nhưng tìm xét sự thật thì vốn không, trái nhau như thế thì chân thật đâu còn, đâu không đồng với sự nói đùa của trẻ con hay sao?

* *Như-lai dứt nghi ngờ cho A-nan, có hai:*

- Phân tích mê, hứa giảng nói:

Phật bảo A-nan! Ông học rộng mà chưa dứt hết các lậu, trong tâm luống biết điên đảo sở nhân, khi chân đảo hiện tiền thật không thể biết. E rằng tâm ông thật vẫn chưa tin phục. Nay ta lấy các việc thế tục để dứt nghi cho ông. Phân biệt thấy vọng, năng sở phát sinh mạnh mẽ làm nhân cho điên đảo, mê thường chấp đoạn gọi là chân đảo.

Nay lấy việc hiện tại xem xét làm cho biết đều không còn chấp, đoạn diệt. Cho nên nói để dứt nghi cho ông.

Y theo sự để nói rộng, có hai:

* Y theo thanh trần để hiển rõ tình chấp điên đảo, có hai.

- Hỏi đáp, có hai:

+ Y theo căn để hỏi đáp, có hai:

• Hỏi đáp có không.

Bấy giờ, Phật sai La-hầu-la đánh một tiếng chuông, rồi hỏi A-nan: Ông có nghe không?

A-nan và đại chúng đều đáp thưa con có nghe.

Khi tiếng chuông dừng không còn vang, Phật lại hỏi: Bấy giờ ông có nghe không?

A-nan và đại chúng thưa: Chúng con đều nghe.

La-hầu-la đánh một tiếng nữa. Phật lại hỏi: Bấy giờ ông có nghe không?

A-nan và đại chúng đều bạch Phật rằng: Con không nghe.

• Hỏi đáp lý do.

Phật hỏi A-nan! Theo Ông thế nào là nghe, thế nào là không nghe?

A-nan và đại chúng thưa: Bạch Đức Thế tôn! nếu đánh tiếng

chuông lên thì con có nghe, đánh lâu tiếng chuông dứt, không còn tiếng vang thì gọi là không nghe. Ba lần hỏi về tiếng chuông, xét định gọi là nghe. Muốn chuyển hỏi tông, lại giải thích thêm, một là bác bỏ thành lời nói không ngả ngũ, hai là nói lên tánh thường, làm cho biết trong cái sinh diệt có cái không sinh diệt, không do tiếng mà diệt, không do tiếng mà sinh. Nếu lìa sinh diệt thì thường chân thật. Đây là rõ ràng thường trụ đâu có đoạn diệt?

+ Y theo trần để hỏi đáp có hai:

• Hỏi đáp có không:

Thế tôn lại bảo La-hầu-la đánh chuông. Phật lại hỏi: Bây giờ có tiếng không?

A-nan và đại chúng thưa: Có tiếng.

Chốc lát tiếng chuông dứt, Phật lại hỏi: Bây giờ có tiếng không?

Không tiếng.

Chốc lát, La-hầu-la lại đánh chuông.

Phật lại hỏi: Bây giờ có tiếng không?

Có tiếng.

Tiểu Tuyến: Là chốc lát.

Hữu khoảnh: Cũng chốc lát là chút ít thời gian. Ba lần hỏi ba lần đáp chỉ là xác định về tiếng chuông ấy.

Hỏi đáp lý do:

Phật hỏi A-nan! Ông cho thế nào là có tiếng? thế nào là không tiếng?

Nếu đánh chuông thì gọi là có tiếng, tiếng chuông dứt rồi thì gọi là không tiếng.

Hỏi tiếng có không để giải thích lý do.

Trước đáp có không về nghe, cũng lấy tiếng chuông vang và dứt để giải thích. Nay đáp có không về tiếng, cũng dùng tiếng chuông vang, dứt để giải thích, ắt nghiệm tình ấy tùy theo lời nói mà ấn khả chấp thuận.

• Bác bỏ:

Phật bảo A-nan và đại chúng: nay vì sao ông tự nói lời lộn xộn. Đại chúng và A-nan đồng một lúc hỏi Phật nay vì sao Phật gọi chúng con là nói lời lộn xộn?

Phật nói: Ta hỏi ông về cái nghe thì ông nói là nghe, ta lại hỏi ông về tiếng thì ông nói về tiếng. Chỉ có cái nghe và tiếng mà trả lời không nhất định. Như thế làm sao không gọi là nói lời lộn xộn? Bác bỏ ý: Cái nghe này nếu do tiếng mà có thì không được lìa tiếng. Nếu

lìa tiếng mà có thì đó là cái nghe chân thật. Nay Ông chỉ chấp theo cái nghe về tiếng. Cái nghe này đã không lìa tiếng, chỉ nên gọi là Tiếng, không nên gọi là Nghe. Vừa nói là tiếng, vừa nói là nghe, đã tùy theo lời nói mà ẩn khả chấp thuận cho nên thành lời nói lộn xộn.

* Y theo tánh nghe để phá chấp đoạn, có ba:

- Chánh bác bỏ, có ba:

+ Bác bỏ chấp đoạn:

Này A-nan! Âm thanh mất thì không có tiếng vang, ông nói không nghe. Nếu thật không nghe thì tánh nghe diệt, đồng với cây khô, lại đánh tiếng chuông thì sao ông biết, biết có biết không là do thanh trần có hoặc không. Đâu phải tánh nghe kia vì ông mà có không, nghe đã không thì ai là người biết không.

Hai câu đầu là nhắc lại sở chấp. Câu nếu thật không nghe v.v... là bác bỏ đoạn vô. Nếu thật cái nghe này diệt theo âm thanh thì thân ông lẽ ra phải như cây đá, lại khi đánh thêm tiếng chuông nữa làm sao nghe tiếng vang.?

Câu biết có biết không v.v... là giải thích Vô sinh.

Cái biết có tiếng không tiếng tự thuộc về thanh cảnh, không liên quan gì đến cái nghe. Cho nên nói tự là thanh trần, hoặc có tiếng hoặc không tiếng, tánh nghe thường nhiên không hề sinh diệt. Cho nên nói chẳng lẽ tánh nghe kia vì ông mà có không. Câu cái nghe thật v.v... trở xuống là lại kết luận về có tánh. Nếu cái nghe thật là không thì ai là người chứng không gì là không. Nếu đã biết đây là cái không nghe nghiệm biết không diệt thì đâu thể theo tiếng mà không có.

+ Hiển rõ vốn là thường:

Cho nên, A-nan! Tiếng từ cái nghe tự có sinh diệt, chẳng phải ông nghe tiếng sinh tiếng diệt, làm cho tánh nghe của ông thành có thành không. Tánh nghe bất động, giống như gương sáng, sự sinh diệt của tiếng giống như bóng hình, đâu do bóng hình mà có đến có đi, làm cho gương sáng kia là sinh, là diệt.

Cho nên vẫn dưới nói: Tánh của âm thanh động tĩnh, trong cái nghe là có, không. Chẳng có tiếng gọi là không nghe, chẳng thật nghe là vô tánh. Lúc tiếng không có cũng chẳng diệt, mà lúc tiếng có cũng chẳng sinh, sinh diệt cả hai đều lìa, ấy là thường chân thật.

+ Kết luận bác bỏ, khuyên răn:

Ông còn điên đảo, bị tiếng mê hoặc cho là cái nghe, đâu ngại gì hôn mê cho thường là đoạn, đều không nên nói lìa các động tĩnh, đóng lấp khai thông nói cái nghe vô tánh. Gương sáng bất động, bóng thường

theo thân. Nếu thấy sự đến đi của thân mà cho là gương sinh diệt thì thật là điên đảo. Tiếng, nghe không phân biệt, vì đoạn thường bèn mê. Đây là kết khuyên không thể lại nói lia âm thanh thì vô tánh.

- *Giải thích thành, có ba:*

+ Dẫn người ngủ giải thích thành không dứt.

Như người nằm ngủ say trên giường. Nhà ấy có người khi người ấy ngủ, bèn giã gạo, người này trong mộng nghe tiếng giã gạo cho là tiếng khác, hoặc tiếng trống, hoặc tiếng chuông, lúc mộng thì tiếng vang của cây, đá ngỡ rằng tiếng chuông. Lúc ấy, bỗng thức dậy, thì biết tiếng chày, tự nói với mọi người: khi mộng tôi thật mê hoặc, tiếng giã gạo này mà cho là tiếng trống.

Này A-nan! Người nay trong mộng đâu có nhớ động tĩnh, mở đóng, thông bít, người tuy ngủ mà tánh nghe không hôn mê. Người ngủ sáu thức trở về hạt giống, cái suy nghĩ biết không hiện hành, chỉ nhậm vọng nghe, tức là tánh nghe chân thật. Nếu chỉ y theo dụ, người ngủ lẽ ra không có tánh nghe, chỉ y cứ không theo căn khởi, chẳng phải do tác ý. Cho nên là cái nghe chân thật.

Như văn dưới nói: Dù làm cho đang mộng tưởng, không làm không suy nghĩ về cái không, giác quán sinh ra suy nghĩ, thân tâm không thể sánh bằng, nên biết tức là nói lên cái nghe chân thật. Không cần phải y theo dụ.

+ Lệ với người chết để giải thích thành không dứt.

Dù thân ông tuy diệt, tánh nghe này đâu có vì ông mà mất.

Hình mạng tuy thay đổi, chân thường bất động, vọng thức vẫn còn. Hướng chỉ là tánh nghe theo ông mà diệt.

+ Kết thúc bác bỏ mê đảo không theo diệu thường.

Vì chúng sinh từ vô thủy đến nay chạy theo các sắc thanh, chạy theo niệm trôi lăn, không hề khai ngộ, tánh tịnh diệu thường, không theo cái thường, chạy theo sinh diệt. Do đó đời đời trôi lăn trong tạp nhiễm, sinh diệt theo trần, chạy theo niệm lưu động, từ vô thủy đến nay không hề dừng, không thể đối với diệu thường tịch dứt niệm mà đến được chân giác minh, quên duyên mà soi chiếu, tạp nhiễm trôi lăn sinh rồi lại sinh, như thế làm sao mà chứng đắc.

3. Kết khuyên:

Nếu bỏ sinh diệt, mà giữ chân thường, thường quang hiện tiền, căn trần, thức, tâm ngay đó tiêu mất.

Tướng của tướng là trần, thức tình là cấu. Cả hai đều xa lìa thì pháp nhãn của ông ngay đó sáng sạch, làm sao không thành tri giác vô

thượng. Nếu mất duyên bên trong soi chiếu, không theo trần cảnh, trần đã không duyên thì căn không có chỗ nương, chia dòng hoàn toàn, công dụng một sáu không hiện hành, tịnh giác hiện tiền, chiếu soi lộ rõ. Đây là giữ chân thường căn trần tiêu mất. Tướng của tướng tức là cảnh, tình là căn, căn cảnh thức đều có thể nhiễm ô, chương ngại Bát-nhã, đối với pháp Vô sinh không thể tỏ rõ, nên nói là bụi nhơ. Nay đã xa lìa đối với pháp thấy rõ, tức là chứng Vô sinh nhãn cho nên nói mắt pháp ngay đó sáng sạch, đối với đại Bồ-đề mong sẽ đạt đến.

